

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ H PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/DS-ST
Ngày 24-01-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ H PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Cảnh

Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố H Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố H Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, phố H Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A, địa chỉ: Tầng 1,2,3 Toà nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

- Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Đức T, nơi cư trú: phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, là đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền số 220/UQ-TGD.23 ngày 21 tháng 4 năm 2023) có mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn H, bà Trần Thị H1, cùng nơi cư trú: huyện Thủy Nguyên, thành phố H Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng A (sau đây viết tắt là Ngân hàng) có cấp tín dụng cho ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị H1 theo các Hợp đồng sau:

1. Hợp đồng cho vay từng lần số 12155/21/TD-TT/XI.3 ký ngày 06-01-2022 vay số tiền 400.000.000 đồng, mục đích vay mua sắm vật dụng gia đình, thời hạn vay 120 tháng, lãi suất trong hạn được quy định theo giấy nhận nợ ngày 07-01-2022 là 8%/năm trong 12 tháng đầu tiên. Lãi suất sau thời gian ưu đãi từ tháng 13-36 = LSCS+3,4%, từ tháng 37 trở đi theo quy định thông thường. thời điểm thay đổi lãi suất 03 tháng/lần kể từ 07-01-2023. Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Trả nợ gốc định kỳ vào ngày 05 hàng tháng kỳ đầu tiên là ngày 05-02-2022. Số nợ gốc bên vay pH trả cho mỗi kỳ là 3.434.000 đồng.

2. Hợp đồng cho vay hạn mức số 12154/21/TD-TT/XI.3 ngày 06-01-2022 vay số tiền 1.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất cho vay là 14%/năm. Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

3. Hợp đồng cho vay từng lần số 186/22/TD/CN/143 ký ngày 07-6/2022, vay số tiền 400.000.000 đồng, mục đích vay mua sắm vật dụng gia đình, thời hạn vay 120 tháng, lãi suất trong hạn được quy định theo giấy nhận nợ ngày 09-6-2022 là 9,19%/năm trong 24 tháng đầu tiên. từ tháng 25 trở đi theo quy định thông thường. lãi suất cơ sở tại thời kỳ đổi lãi suất + biên độ 3,9% thời điểm thay đổi lãi suất 03 tháng/lần kể từ 10-6-2024. Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Trả nợ gốc định kỳ vào ngày 05 hàng tháng kỳ đầu tiên là ngày 05-7-2022. Số nợ gốc bên vay pH trả cho mỗi kỳ là 3.434.000 đồng.

4. Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Abbank ngày 13-01-2022, hạn mức thẻ 100.000.000 đồng, mục đích: Thực hiện các giao dịch thanh toán, thời hạn tối đa là 3 năm kể từ ngày phát hành thẻ, lãi suất theo quy định của Abbank, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông Phạm Văn H bà Trần Thị H1 đã thế chấp Quyền sử dụng 81 m² đất ở lâu dài và toàn bộ công trình, kiến trúc gắn liền với đất tại thửa đất số 522B tờ bản đồ 01 tại thôn 2 xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, thành phố H Phòng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 584736 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 03037 cấp ngày 30-07-2020 cho chủ sử dụng là ông Phạm Văn H, bà Trần Thị H1 theo Hợp đồng thế chấp số 10343/21/TC-TT/XI.3 ngày 06 tháng 01 năm 2022.

Thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền nợ trên cho ông H, bà H1 theo các giấy nhận nợ. Quá trình sử dụng vốn vay, ông Phạm Văn H, bà Trần Thị H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi trong hạn cho Ngân hàng. Tính đến hết ngày 24-01-2024 ông Phạm Văn H và bà Trần Thị H1 còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 2.106.889.366 đồng. Trong đó nợ gốc là 1.823.891.609 đồng, nợ lãi là 282.997.757 đồng (nợ lãi trong hạn là 107.939.351 đồng, nợ lãi quá hạn 139.224.342 đồng, lãi của thẻ tín dụng tính đến ngày 19-01-2024 là 35.834.064 đồng). Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông H, bà H1 trả nợ nhưng ông H bà H1 không trả. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H, bà H1 pH trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc và lãi nêu trên và tiền lãi, phí phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi ông H, bà H1 hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng. Trong trường hợp ông H, bà H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng có quyền được

yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 10343/21/TC-TT/XI.3 ngày 06 tháng 01 năm 2022. Trường hợp số tiền thu được từ phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông H, bà H1 pH có nghĩa vụ trả cho đến khi hết khoản nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký.

Bị đơn ông Phạm Văn H trình bày: Ông Phạm Văn H thừa nhận ông H, bà H1 có ký kết các hợp đồng tín dụng vay tiền của Ngân hàng và hiện nay còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc nợ lãi như trình bày của Ngân hàng là đúng. Để đảm bảo cho các khoản vay, ông H, bà H1 đã dùng tài sản thế chấp là Quyền sử dụng 81m² đất ở lâu dài và toàn bộ công trình, kiến trúc gắn liền với đất tại thửa đất số 522B tờ bản đồ 01 tại thôn 2 xã Tân Dương, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn H, bà Trần Thị H1. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông H, bà H1 đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký. Ông H đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho ông H, bà H1 được trả nợ dần mỗi tháng là 30.000.000 đồng cho đến hết ngày 30-12-2024 thì ông H, bà H1 sẽ trả hết khoản nợ trên. Bà H1 hiện nay không có mặt tại địa phương, theo trình bày của ông H, bà H1 hiện đang lao động tại Hàn Quốc, bà H1 đi từ ngày 20 tháng 10 năm 2023, khi đi không thông báo cho Ngân hàng được biết. Ý kiến của bà H1 cũng đồng ý với ý kiến của ông H.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung khởi kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 117, 118, 119, Điều 274, 290, 298, 299, 303, 317, 320, 323, 463, 466, 468, 500 Bộ luật Dân sự; các Điều 91 và 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Phạm Văn H, bà Trần Thị H1 pH trả cho Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết bao gồm nợ gốc, nợ lãi như yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông H, bà H1 còn pH tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền còn pH thi hành, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay pH tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay và pH phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp ông Phạm Văn H, bà Trần Thị H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đề nghị phát mại tài sản thế chấp, trường hợp phát mại tài sản thế chấp không trả đủ nợ thì ông H, bà H1 pH có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho ngân hàng. Ông H, bà H1 chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP An Bình và ông Phạm Văn H, bà Trần Thị H1 có mục đích vay tiền mua sắm vật dùng gia đình và bổ sung vốn kinh doanh nên được xác định là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án. Theo xác minh của Cục Xuất nhập cảnh, bà Trần Thị H1 xuất cảnh ra nước ngoài ngày 19-10-2023 là sau ngày Tòa án thụ lý vụ án (thụ lý ngày 13-10-2023) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Ông Phạm Văn H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà Trần Thị H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Hợp đồng tín dụng được ký giữa Ngân hàng và bị đơn đã ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã nhận đủ số tiền vay, nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và lãi theo đúng cam kết trong hợp đồng tín dụng là vi phạm nghĩa vụ của mình theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Tính đến ngày 24-01-2023 ông Phạm Văn H, bà Trần Thị H1 còn nợ Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng và giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành sử dụng thẻ tín dụng tổng số tiền là 2.106.889.366 đồng. Trong đó nợ gốc là 1.823.891.609 đồng, nợ lãi là 282.997.757 đồng (nợ lãi trong hạn là 107.939.351 đồng, nợ lãi quá hạn 139.224.342 đồng, lãi của thẻ tín dụng tính đến ngày 19-01-2024 là 35.834.064 đồng). Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H, bà H1 pH trả số tiền còn nợ nêu trên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về xử lý tài sản bảo đảm: Hợp đồng thế chấp tài sản số 10343/21/TC-TT/XI.3 ngày 06 tháng 01 năm 2022 được ký đúng quy định của pháp luật. Tại thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp tài sản giữa các bên đã được ký kết trên cơ sở tự nguyện, tự định đoạt, thỏa thuận, mục đích và nội dung thỏa thuận phù hợp với đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Hợp đồng thế chấp đã được chứng thực của cơ quan công chứng và đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, hợp đồng thế chấp tài sản là hợp pháp và có hiệu lực thực hiện. Ngân hàng đề nghị phát mại toàn bộ quyền sử dụng đất tài sản trên đất theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp ông H, bà H1 không trả được nợ là có căn cứ, hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không pH chịu án phí sơ thẩm. Bị đơn pH chịu toàn bộ án phí sơ thẩm. Trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 116, 117, 119, 293, 298, 317, 319, 320, 321, 322, 323, 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 90, 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Phạm Văn H, bà Trần Thị H1 pH trả cho Ngân hàng A theo Hợp đồng cho vay từng lần số 12155/21/TD-TT/XI.3 ký ngày 06-01-2022; Hợp đồng cho vay hạn mức số 12154/21/TD-TT/XI.3 ngày 06-01-2022; Hợp đồng cho vay từng lần số 186/22/TD/CN/143 ký ngày 07-6/2022; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Abbank ngày 13-01-2022 tính đến ngày 24 tháng 01 năm 2024 tổng số tiền là 2.106.889.366 đồng. Trong đó nợ gốc là 1.823.891.609 đồng, nợ lãi là 282.997.757 đồng (nợ lãi trong hạn là 107.939.351 đồng, nợ lãi quá hạn 139.224.342 đồng, lãi của thẻ tín dụng tính đến ngày 19-01-2024 là 35.834.064 đồng).

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đối với các hợp đồng cho vay và kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2024 đối với giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành thẻ tín dụng, cho đến khi thi hành án xong, bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng pH phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng cho vay, giấy đề nghị kiêm phát hành thẻ tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay pH tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp ông Phạm Văn H, bà Trần Thị H1 không trả được nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp để thực hiện nghĩa vụ bảo đảm đã cam kết theo Hợp đồng thế chấp số 10343/21/TC-TT/XI.3 ngày 06 tháng 01 năm 2022 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số SĐBS.01/10343/TC-TT/XI.3 ngày 07 tháng 6 năm 2022 được ký giữa bên thế chấp là ông Phạm Văn H, bà Trần Thị H1 và Ngân hàng A. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng 81 m² đất ở lâu dài và toàn bộ công trình, kiến trúc gắn liền với đất tại thửa đất số 522B tờ bản đồ 01 tại thôn 2 xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, thành phố H Phòng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 584736 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 03037 cấp ngày 30-07-2020 cho chủ sử dụng là ông Phạm Văn H, bà Trần Thị H1.

Trường hợp phát mại tài sản trên nhưng chưa đủ để thu hồi nợ thì ông Phạm Văn H, bà Trần Thị H1 pH tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp phát mại tài sản để thu hồi nợ còn thừa thì trả lại cho bên thế chấp.

Về án phí sơ thẩm: Ông Phạm Văn H, bà Trần Thị H1 pH chịu 74.137.800 đồng án dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí 33.800.000 đồng tại biên lai thu số 0008730 ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố H Phòng.

Về quyền kháng cáo: Ngân hàng A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Văn H, bà Trần Thị H1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS h. Thủy Nguyên;
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai